

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN U MINH  
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **25/2020/DS-ST**  
Ngày 11-6-2020  
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH, TỈNH CÀ MAU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hồng Ý

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Trịnh Hữu Hiệp

Ông Huỳnh Hữu Đoàn

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Dương Thị Lụa là Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa:** Ông Lê Vũ Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 188/2019/TLST-DS ngày 05 tháng 12 năm 2019 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2020/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 4 năm 2020 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Ông Phạm Hoàng L, sinh năm: 1989 (có mặt);

Địa chỉ cư trú: Khóm 4, thị trấn U, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

**- Bị đơn:**

1. Ông Huỳnh Thế P (vắng mặt);

2. Bà Phạm Thị Đ (vắng mặt);

Cùng địa chỉ cư trú: Khóm 4, thị trấn U, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 04/12/2019 và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Phạm Hoàng L trình bày:*

Do trước đây có quen biết nên ông có cho vợ chồng ông Huỳnh Thế P, bà Phạm Thị Đ vay số tiền 30.000.000 đồng và 02 chỉ vàng 24K vào khoảng năm 2018, sau đó hai bên có thỏa thuận quy đổi vàng thành tiền nên tổng số tiền ông P, bà Đ thiếu ông là 37.000.000 đồng, ông không tính lãi.

Ông có đòi nhiều lần nhưng ông P, bà Đ cố tình né tránh không trả nợ. Đến ngày 19/4/2019 âm lịch, bà Đ có viết biên nhận xác định bà và chồng là ông P có nợ ông 37.000.000 đồng. Đồng thời, ông và bà Đ cùng một số chủ nợ khác có lập

Biên bản về việc xảy ra vụ việc, trong đó có nội dung bà Đ thừa nhận vợ chồng bà có nợ ông số tiền 37.000.000 đồng. Tại thời điểm lập biên bản, bà Đ có thỏa thuận với ông mỗi tháng trả 500.000 đồng nhưng ông không đồng ý nên không ghi vào biên bản. Nay ông yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Huỳnh Thế P, bà Phạm Thị Đ phải trả cho ông số tiền 37.000.000 đồng.

Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn đúng theo quy định pháp luật nhưng ông Huỳnh Thế P và bà Phạm Thị Đ không có văn bản thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

*Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu quan điểm:* Về tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, nguyên đơn đã thực hiện đúng về quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật, riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ và không thể hiện ý kiến của mình nên đã không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 463, 465, 466 của Bộ luật Dân sự, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Hoàng L, buộc ông Huỳnh Thế P, bà Phạm Thị Đ trả cho ông Phạm Hoàng L số tiền 37.000.000 đồng, các đương sự phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Huỳnh Thế P và bà Phạm Thị Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt ông P và bà Đ.

[2] Về quan hệ pháp luật: Tranh chấp giữa các đương sự được xác định là tranh chấp hợp đồng vay tài sản và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện U Minh theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét nội dung yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Hoàng L thấy rằng:

Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ ông P, bà Đ nhưng vẫn vắng mặt và không có văn bản thể hiện ý kiến nên xem như bị đơn từ bỏ quyền của mình và cố tình trốn tránh nghĩa vụ thanh toán nợ. Vì vậy, Hội đồng xét xử xem xét Biên nhận được xác lập giữa ông L với bà Đ là hợp pháp và có căn cứ nên buộc các bên phải có nghĩa vụ thực hiện. Tại Biên nhận và Biên bản về việc xảy ra vụ việc ngày 19/4/2019 chỉ có bà Phạm Thị Đ ký tên, tuy nhiên tại thời điểm xác lập các văn bản thì ông Huỳnh Thế P và bà Phạm Thị Đ là vợ chồng nên phải cùng có nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình. Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông L, buộc ông P, bà Đ phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho ông L số tiền 37.000.000 đồng. Từ những phân tích, xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở nên chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, ông P, bà Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 5% tương ứng với số tiền theo yêu cầu của ông L được Tòa án chấp nhận cụ thể: 37.000.000 đồng x 5% = 1.850.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự; Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

**Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Hoàng L. Buộc ông Huỳnh Thế P và bà Phạm Thị Đ có nghĩa vụ thanh toán cho ông Phạm Hoàng L số tiền 37.000.000 (ba mươi bảy triệu) đồng.

*Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, nếu người phải thi hành án chậm thi hành án thì hàng tháng còn phải chịu khoản lãi phát sinh tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.*

- Về án phí: Ông Huỳnh Thế P và bà Phạm Thị Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 1.850.000 (một triệu, tám trăm năm mươi nghìn) đồng.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

Ông Phạm Hoàng L có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Huỳnh Thế P và bà Phạm Thị Đ có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai bản án.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện U Minh;
- Chi cục THADS huyện U;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Nguyễn Thị Hồng Ý**